TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST Ngày 13/11/2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; đăng ký HKTT: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lương Đức T, sinh năm 1992; đăng ký HKTT và chỗ ở hiện tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Đào Thị K, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương (có mặt).

+ Ông Nguyễn Tiên B, trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Đức T kết hôn với nhau vào ngày 27/9/2017 trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, anh T là người đa nghi, luôn nghi ngờ chị vẫn giữ mối quan hệ với người yêu cũ nên ghen tuông, đay nghiến

chị, vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, mỗi lần cãi nhau, anh T lại đuổi chị ra khỏi nhà. Từ ngày 03/10/2018, anh chị cãi nhau, anh T đuổi chị đi nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở N, T sống từ đó đến nay. Chị thấy không còn tình cảm với anh T, cuộc sống chung căng thẳng, mệt mỏi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có một con chung là Lương Thiên Kim, sinh ngày 14/02/2018, chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Lương Đức T trình bày về điều kiện, hoàn cảnh và thời gian kết hôn giống như chị H trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng theo anh T là do tính cách của chị H ngang bướng, tự làm theo ý mình, không nghe ý kiến của anh nên vợ chồng hay cãi nhau. Vì tức giận nên anh có đuổi chị H đi nhưng sau đó chị H lại về chung sống cùng anh. Anh xác định mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thậm chí không còn tình cảm với nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh chị có nhiều các mối quan hệ liên quan và không muốn con bị mang tiếng bố mẹ bỏ nhau.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung đúng như lời trình bày của chị H, giả sử Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn nhau, anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Đào Thị Kiên (mẹ đẻ anh T) xác định anh T và chị H có mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của chị H trẻ con, ngang bướng nên vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, mỗi lần cãi nhau chị H lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, dù đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không thay đổi. Bà không mong muốn các con ly hôn nhau nhưng với tính cách của chị H thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H rất khó có thể hạnh phúc được.

Ông Nguyễn Tiên Bẩy (bố đẻ chị H) cũng khẳng định tính cách của anh T và chị H không hợp nhau nên khó có khả năng hàn gắn mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ là không có.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương bày tỏ quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu chưa được 1 tuổi, vẫn đang trong thời kỳ bú mẹ.

Tại phiên toà, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi con, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác; anh T không đồng ý ly hôn và có quan điểm nếu Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh thì anh đồng ý để chị H được nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật; Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn giải quyết vụ án, chị H và anh T không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho chị H ly hôn anh T; về quan hệ con chung, đề nghị giao con cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; về án phí: chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lương Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 27/9/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả chị H và anh T đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai người không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nhưng chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng thực tế anh chị đã có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, không ai có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân. Những người làm chứng (là bố mẹ của anh T, chị H) đều xác định mâu thuẫn của anh chị khó có khả năng hàn gắn. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2] Về quan hệ con chung: Con chung của chị H và anh T là cháu Lương Thiên Kim, sinh ngày 14/02/2018 (dưới 36 tháng tuổi), tại phiên tòa, anh T nhất trí để chị H nuôi con; đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương bày tỏ quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, con hiện đang ở cùng chị H nên HĐXX giao con cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Cả chị H và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lương Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Lương Thiên Kim, sinh ngày 14/02/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Lương Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000680 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã T, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Nhu